BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**PHẪU THUẬT TẠO HÌNH BẰNG CÁC VẠT DA CÓ CUỐNG MẠCH LIỀN**

QTKT.05.NGOẠI CT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **BSCKI. Nguyễn Văn Bách** | **BSCKII. Lù Tà Phìn** | **BSCKII. Phạm Văn Thinh** |
| Ký |  |  |  |

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**PHẪU THUẬT TẠO HÌNH BẰNG CÁC VẠT DA CÓ CUỐNG MẠCH LIỀN**

**1. ĐẠI CƯƠNG**

- Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch liền là phẫu thuật lấy một vạt tổ chức bao gồm da-cân được nuôi dưỡng bằng nguồn mạch, xoay chuyển để điều trị khuyết hổng phần mềm ở chi, có nhiều dạng vạt: vạt cơ; vạt da cân; vạt da cơ...

**2. CHỈ ĐỊNH**

Khuyết hổng phần mềm ở chi

**3. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

- Vết thương phần mềm còn viêm nhiễm

- Còn rối loạn dinh dưỡng như phù nề nhiều, nhiều nốt phỏng

- Lộ xương nhưng còn viêm nhiễm

- Có các bệnh toàn thân như đái tháo đường, tim mạch… cần điều trị ổn định trước khi tiến hành

**4. THẬN TRỌNG**

**5. CHUẨN BỊ**

**5.1. Người thực hiện:**

- Phẫu thuật viên chuyên khoa chấn thương chỉnh hình

- 01 hoặc 02 phụ mổ

- 01 giúp việc

- Kíp dụng cụ: 01 dụng cụ viên

**5.2. Thuốc**

- DD muối rửa 0,9%

- Nước Oxy già.

**5.3. Vật tư**

- Găng tay phẫu thuật

- Bơm tiêm

- Lưỡi dao mổ .

- Chỉ khâu.

- Bông gạc, bơm tiêm.

- Tay dao điện

- Dẫn lưu 01 bộ

- Cồn 70 độ

- DD povidine

- Nước rửa tay

**5.4. Trang thiết bị:**

- Bộ dụng cụ đại phẫu, một số dụng cụ chuyên về phẫu thuật chi trên, chi dưới.

- Dao điện đơn cực, máy hút.

**5.5. Người bệnh** - Giải thích đầy đủ về bệnh, về cuộc phẫu thuật, các tai biến có thể gặp trong và sau mổ ( nhiễm trùng, hoại tử chi…). Người bệnh hoặc đại diện gia đình kí cam đoan chấp nhận mổ.

- Làm các xét nghiệm cơ bản.

- Kháng sinh phổ rộng phối hợp.

**5.6. Hồ sơ bệnh án**

- Hồ sơ bệnh án ngoại khoa đầy đủ, cận lâm sàng, thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị

- Các biên bản hội chẩn, phiếu duyệt mổ, cam đoan của bệnh nhân hoặc người nhà

**5.7. Thời gian thực hiện kỹ thuật** từ 01h đến 02 h

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật**

Tại các phòng mổ vô trùng có đầy đủ các máy móc thiết bị phù hợp cho ca phẫu thuật xương chi.

**5.9 Kiểm tra hồ sơ**

a. Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: đúng người bệnh, đũng chẩn đoán, đũng vị trí cần phẫu thuật…

b. Thực hiện đúng bảng kiểm an toàn phẫu thuật, thủ thuật.

c. Đặt tư thế người bệnh: Bệnh nhân nằm ngửa, nghiêng hoặc úp tùy theo vị trí tổn thương

**6 . TIẾN HÀNH QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**6.1. Bước 1:**

-Tư thế người bệnh: Nằm ngửa.

-Vô cảm: Gây mê, tê đám rối thần kinh cánh tay hoặc tê tủy sống.

- Sát trùng vùng mổ, trải toan vô khuẩn.

**6.2. Bước 2: Thiết kế vạt:**

- Đánh dấu vị trí lấy vạt

- Vẽ đảo da và trục của vạt da

- Cuống vạt là tổ chức cân mỡ chứa thần kinh và mạch máu

- Chiều dài của vạt da đo từ điểm xoay đến bờ xa nhất của tổn khuyết

- Chiều dài của cuống vạt: Đo từ điểm xoay tới bờ gần nhất của tổn khuyết.

**6.3. Bước 3:**

- Tư thế người bệnh

- Garo 1/3 G đùi (hoặc không).

**6.4. Bước 4:**

**- Thì 1: Xử trí thương tổn**

+ Cắt lọc mép tổn thương, cắt lọc tổ chức hoại tử từ nông vào sâu đảm bảo không còn tổ chức hoại tử.

+ Tưới rửa nhiều lần bằng ôxy già, nước muối, Betadin.

+ Đục bạt bề mặt xương lộ nếu bị viêm.

+ Cầm máu kỹ tổn thương.

+ Kiểm tra lại vạt đã thiết kế xem có phù hợp với thương tổn vừa cắt lọc không. Đắp gạc ẩm vào vùng thương tổn để chuyển sang thì bóc vạt.

**- Thì 2: Bóc vạt**

+ Phẫu tích tìm TM và TK

+ Rạch da xung quanh đảo da đến hết lớp cân để lại phần nối với cuống vạt. Khâu cố định lớp cân với lớp da xung quanh đảo da để không làm bóc tách giữa chúng gây tổn thương các mạch máu từ lớp cân lên nuôi da.

+ Phẫu tích cuống vạt

+ Nâng vạt từ trên xuống dưới với một đảo da cân và cuống vạt thì chỉ có lớp mỡ dưới da và cân.

+ Tháo garo kiểm tra tình trạng tưới máu của vạt, cầm máu kỹ, lựa chọn góc xoay vạt để không làm xoắn vặn cuống vạt.

**6.5. Bước 5:**

- Tạo đường hầm hoặc rạch da để đưa vạt đến che phủ vùng khuyết hổng.

- Khâu cố định vạt vào vùng khuyết hổng, đặt dẫn lưu dưới vạt (hoặc không).

**6.6. Bước 6:**

- Khâu 2 mép da dày nơi lấy cuống vạt

- Khâu khép bớt nơi cho vạt, vá da mỏng hoặc ghép da Wolf- Krause nơi cho vạt.

- Băng ép nhẹ nhàng, để hở một phần vạt da để theo dõi sát tình trạng tưới máu của vạt, kịp thời phát hiện tình trạng chèn ép cuống vạt để xử trí.

- Đặt nẹp bột

**6.7. Kết thúc quy trình**

- Đánh giá tình trạng người bệnh sau phẫu thuật

- Hoàn thiện ghi chép hồ sơ

- Bàn giao người bệnh về phòng hồi tỉnh theo dõi sau phẫu thuật

**7. THEO DÕI VA XỬ LÝ TAI BIẾN**

**7.1 THEO DÕI VÀ ĐIỀU TRỊ SAU MỔ**

Điều trị kháng sinh 5-7 ngày

Thuốc chống phù nề, chống đông

Ghép da mỏng lên vạt nếu vạt sống tốt (thông thường sau 5-7 ngày)

Rút dẫn lưu sau 48h, thay băng hàng ngày, phát hiện các biến chứng chảy máu, nhiễm khuẩn.

**7.2 TAI BIẾN VÀ XỬ TRÍ**

- Cắt đứt cuống vạt ngừng cuộc mổ thay bằng kỹ thuật khác ở cuộc mổ khác

- Chảy máu: Cần tìm nguyên nhân và xử trí theo nguyên nhân

- Theo dõi vạt**:** Nếu vạt có màu hồng tươi chứng tỏ vạt được tưới máu tốt, nếu vạt có màu tím, phù nề là có cản trở máu tĩnh mạch, có thể cắt bớt chỉ để giảm sức căng của vạt, nếu vạt nhợt màu, khô, chứng tỏ vạt được cấp máu kém, dễ  hoại tử. Nếu vạt hoại tử cần cắt lọc làm sạch và chọn kỹ thuật khác cho phù hợp

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quyết định 3449/QĐ-BYT năm 2018 về tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

2. Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 Của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “ Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”

**DANH MỤC**

**CHUẨN BỊ ĐỂ THỰC HIỆN KỸ THUẬT PHẪU THUẬT TẠO HÌNH BẰNG CÁC VẠT DA CÓ CUỐNG MẠCH LIỀN**

*(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trển thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong cuộc mổ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trục tiếp** | Người | 5 |
| 1.1 | Phẫu thuật viên | Người | 1 |
| 1.2 | Phụ mổ | Người | 2 |
| 1.3 | Dụng cụ viên | Người | 1 |
| 1.4 | Giúp việc | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc** |  |  |
| 2.1 | DD muối rửa 0,9% 500 ml | chai | 4 |
| 2.2 | Nước oxy giá | Lọ | 2 |
| **3** | **Vật tư** |  |  |
| 3.1 | Vật tư cấy ghép |  |  |
| 3.2 | Dụng cụ |  |  |
| 3.2.1 | Lưỡi dao mổ | cái | 1 |
| 3.3 | Vật liệu |  |  |
| 3.3.1 | Tay dao điện | cái | 0,2 |
| 3.4 | Thuốc thử |  |  |
| 3.5 | Chất hiệu chuẩn |  |  |
| 3.6 | Sinh phẩm chẩn đoán |  |  |
| 3.7 | Vật tư khác |  |  |
| 3.7.1 | Vật liệu cầm máu các loại |  |  |
| 3.7.2 | Gạc mổ to | gói | 2 |
| 3.7.3 | Gạc mổ nhỏ | gói | 2 |
| 3.7.4 | Chỉ khâu cân cơ các loại | sợi | 2 |
| 3.7.5 | Chỉ khâu da | sợi | 3 |
| 3.7.6 | Bộ dẫn lưu vết mổ | cái | 1 |
| 3.7.7 | Povidine | ml | 200 |
| 3.7.8 | Găng tay mổ | đôi | 5 |
| 3.7.9 | Cồn 70 độ | ml | 30 |
| 3.7.10 | Dung dịch rửa tay | ml | 50 |
| 3.7.11 | Bơm tiêm + kim (các cỡ) | cái | 1 |
| 3.7.12 | Băng vết mổ | miếng | 3 |
| 3.7.13 | Áo mổ | cái | 0,015 |
| 3.7.14 | Khẩu trang | cái | 0,015 |
| 3.7.16 | Săng mổ các loại | cái | 0,015 |
| 3.7.17 | Bột | cuộn | 5 |
| 3.7.18 | Tay dao điện | cái | 0,02 |
| 3.7.19 | Mass dao điện | cái | 0,02 |
| **4** | **Trang Thiết bị**  (sử dụng trực tiếp) |  |  |
| 4.1 | Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên và dưới | Bộ | 1 |
| 4.2 | Máy hút | Cái | 1 |
| 4.3 | Dao điện | Cái | 1 |